

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 7

MÔN: TIẾNG ANH 6 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban Chuyên môn Loigiaihay.com

1. C	6. B	11. C	16. vacation	21. D
2. A	7. A	12. C	17. and	22. B
3. A	8. D	13. A	18. with	23. A
4. C	9. C	14. A	19. is	24. A
5. B	10. A	15. B	20. pagoda	25. B

26. Helen has brown eyes, a small nose and full lips.

27. I have funny friends and kind teachers.

28. He brushes his teeth three times a day.

29. We are playing chess at present.

30. How many chairs are there in your classroom?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. C

Kiến thức: Phát âm "a"

Giải thích:

A. day /deɪ/

B. lake /leɪk/

C. tall /tɔ:l/

D. plane /pleɪn/

Phần được gạch chân ở phương án C được phát âm /ɔ:/, các phương án còn lại phát âm /eɪ/

Chọn C

2. A

Kiến thức: Phát âm "o"

Giải thích:

A. brother /'brʌð.ə/

B. judo /'dʒu:.dəʊ/

C. going /gəʊɪŋ /

D. rode /rəʊd/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /ʌ/, các phương án còn lại phát âm /əʊ/

Chọn A

3. A

Kiến thức: Phát âm "i"

Giải thích:

A. policeman /pə'li:s.mən/

B. sign /saɪn/

C. bike /baɪk/

D. spider /'spaɪ.dər/

Phần được gạch chân ở phương án A được phát âm /i:/, các phương án còn lại phát âm /ai/

Chọn A

4. C

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. lesson /'les.ən/

B. country /'kʌn.tri/

C. machine /mə'ʃi:n/

D. bedroom /'bed.ru:m/

Phương án C có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn C

5. B

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. answer /'ɑ:n.sər/

B. agree /ə'gri:/

C. visit /'vɪz.ɪt/

D. study /'stʌd.i/

Phương án B có trọng âm 2, các phương án còn lại có trọng âm 1.

Chọn B

6. B

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. office (n): văn phòng

B. playground (n): sân chơi

C. garden (n): vườn

D. library (n): thư viện

At break time, they play football in the school **playground**.

Tạm dịch: Vào giờ giải lao, các em chơi bóng đá ở sân trường.

Chọn B

7. A

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. sharpener (n): đồ chuốt bút chì

B. case (n): hộp

C. eraser (n): cục gôm

D. head (n): cái đầu

My pencil isn't sharp anymore. I need a pencil **sharpener**.

Tạm dịch: Cây bút chì của tôi không còn nhọn nữa. Tôi cần một cái gọt bút chì.

Chọn

8. D

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. be: thì, là, ở

B. go (v): đi

C. do (v): làm

D. have (v): có

At lunchtime, you can **have** lunch in the school canteen.

Tạm dịch: Vào giờ ăn trưa, bạn có thể ăn trưa tại căng tin của trường.

Chọn D

9. C

Kiến thức: Từ vựng**Giải thích:**

A. sees (v): gặp

B. books (v): đặt

C. writes (v): viết

D. receives (v): nhận

James **writes** letters to his pen friend once a month.**Tạm dịch:** James viết thư cho người bạn qua thư của mình mỗi tháng một lần.**Chọn C**

10. A

Kiến thức: Chia thì động từ**Giải thích:**

Thi hiện tại đơn diễn tả một hành động về thói quen, sở thích.

Cấu trúc thi hiện tại đơn với động từ thường ở dạng khẳng định chủ ngữ số nhiều “Cuong and Minh” (*Cường và Minh*): S + V_o.Cuong and Minh **cycle** to school five times a week.**Tạm dịch:** Cường và Minh đạp xe đến trường năm lần một tuần.**Chọn A**

11. C

Kiến thức: Tìm lỗi sai**Giải thích:**

Câu hỏi đang ở thì hiện tại tiếp diễn nên câu trả lời cũng phải ở thì hiện tại tiếp diễn.

draw (v): vẽ => am drawing (v): đang vẽ

Câu hoàn chỉnh: What are you doing? - I **am drawing** my future house.**Tạm dịch:** Bạn đang làm gì thế? - Tôi đang vẽ ngôi nhà tương lai của mình.**Chọn C**

12. C

Kiến thức: Tìm lỗi sai**Giải thích:**

Dấu hiệu thì hiện tại đơn “everyday” (mỗi ngày) => Cấu trúc thì hiện tại đơn với động từ thường chủ ngữ số ít “Miley”: S + Vs/es.

is having => has (v): có

Câu hoàn chỉnh: Miley gets up at 6 o'clock and **has** breakfast every day.

Tạm dịch: Miley thức dậy lúc 6 giờ và ăn sáng hàng ngày.

Chọn C

13.

Kiến thức: Tìm lỗi sai

Giải thích:

Dấu hiệu thì hiện tại tiếp diễn “at the moment” (ngay bây giờ) => Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn ở dạng phủ định chủ ngữ số nhiều “we” (chúng tôi): S + aren't + V-ing.

isn't => aren't

Câu hoàn chỉnh: We **aren't** having breakfast at the moment.

Tạm dịch: Chúng tôi đang không ăn sáng vào lúc này.

Chọn A

14. A

Kiến thức: Tìm lỗi sai

Giải thích:

Dấu hiệu thì hiện tại đơn “once a month” (một lần một tháng) => Cấu trúc thì hiện tại đơn với động từ thường chủ ngữ số ít “Trang”: S + Vs/es.

go => goes (v): đi

Câu hoàn chỉnh: Trang often **goes** camping with her family once a month.

Tạm dịch: Trang thường đi cắm trại cùng gia đình mỗi tháng một lần.

Chọn A

15. B

Kiến thức: Tìm lỗi sai

Giải thích:

Sau lượng từ “forty” (bốn mươi) cần một danh từ đếm được số nhiều Ns/es.

student => students (n): học sinh

Câu hoàn chỉnh: There are forty **students** in my class.

Tạm dịch: Có bốn mươi học sinh trong lớp của tôi.

Chọn B**IV.**

*Nghĩa của các từ vựng

is: thì, là, ở

with: với

vacation (n): kì nghỉ

pagoda (n): chùa

and: và

16. vacation

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Sau mạo từ “a” cần một danh từ đếm được số ít.

Hoa is going on a **vacation** this summer.

Tạm dịch: Hoa sẽ đi nghỉ vào mùa hè này.

Đáp án: vacation

17. and

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

First, she is going to visit Ha Long Bay, Ho Chi Minh Mausoleum **and** Hoi An Ancient town in five days.

Tạm dịch: Đầu tiên, cô ấy sẽ đến thăm Vịnh Hạ Long, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phố cổ Hội An trong năm ngày.

Đáp án: and

18. with

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Cụm từ “stay with” (ở với)

She is going to stay **with** her uncle in Ha Noi.

Tạm dịch: Cô ấy sẽ ở với chú của cô ấy ở Hà Nội.

Đáp án: with

19. is

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

Sau chủ ngữ “she” (cô ấy) cần một động từ chia thì.

She **is going to see** the Citadel...

Tạm dịch: Cô ấy sẽ đi xem Thành cổ

Đáp án: is

20. pagoda

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

She going to see the Citadel and Thien Mu **pagoda**.

Tạm dịch: Cô đi tham quan Hoàng thành và chùa Thiên Mụ.

Đáp án: pagoda

Bài hoàn chỉnh

Hoa is going on a (16) **vacation** this summer. First, she is going to visit Ha Long Bay, Ho Chi Minh Mausoleum (17) **and** Hoi An Ancient town in five days. She is going to stay (18) **with** her uncle in Ha Noi. Then she is going to stay in a hotel in Hue for two days. She (19) **is** going to see the Citadel and Thien Mu (20) **pagoda**.

Tạm dịch

Hoa sẽ đi nghỉ vào mùa hè này. Đầu tiên, cô sẽ đến thăm Vịnh Hạ Long, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phố cổ Hội An trong năm ngày. Cô ấy sẽ ở lại với chú của cô ấy ở Hà Nội. Sau đó cô ấy sẽ ở lại một khách sạn ở Huế trong hai ngày. Cô ấy sẽ đi xem Hoàng thành và chùa Thiên Mụ.

21. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Bạn bè của Lan như thế nào?

A. không thân thiện

B. năng động

C. nhút nhát

D. tốt bụng

Thông tin: “I have lots of friends in my new school and they are all nice.”

Tạm dịch: Tôi có rất nhiều bạn ở trường mới và họ đều rất tốt.

Chọn D

22. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Lan học bao nhiêu môn?

A. 5

B. 6

C. 4

D. 7

Thông tin: “We study many subjects: Maths, Science, Literature, Physics, History and English.”

Tạm dịch: Chúng tôi học nhiều môn: Toán, Khoa học, Văn học, Vật lý, Lịch sử và Tiếng Anh.

Chọn B

23. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Khi nào Lan mặc đồng phục?

A. vào thứ hai

B. vào thứ ba

C. vào cuối tuần

D. vào thứ hai và thứ ba

Thông tin: “I wear it on Mondays only.”

Tạm dịch: Tôi chỉ mặc nó vào thứ Hai.

Chọn A

24. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Lan làm gì vào giờ giải lao buổi sáng?

A. chơi cầu lông

B. đọc sách

C. làm bài tập

D. xem TV

Thông tin: “At break time, I often play badminton with my friends or chat.”

Tạm dịch: Vào giờ giải lao, tôi thường chơi cầu lông với bạn bè hoặc trò chuyện.

Chọn A

25. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tại sao Lan không bao giờ đi học muộn?

A. Bởi vì cô ấy đi ngủ muộn.

B. Bởi vì cô ấy đi ngủ sớm.

C. Bởi vì cô ấy dậy sớm.

D. Bởi vì cô ấy bỏ bữa sáng.

Thông tin: “I usually go to bed at 10. I always get up early in the morning so I never go to school late.”

Tạm dịch: Tôi thường đi ngủ lúc 10 giờ. Tôi luôn dậy sớm vào buổi sáng nên không bao giờ đi học muộn.

Chọn B

Dịch bài đọc:

Chào. Tên tôi là Lan. Tôi có rất nhiều bạn ở trường mới và họ đều rất tốt. Chúng tôi học nhiều môn: Toán, Khoa học, Văn học, Vật lý, Lịch sử và Tiếng Anh. Tôi có một bộ đồng phục mới. Nó trông đẹp đấy. Tôi chỉ mặc nó vào thứ Hai. Tôi học buổi sáng từ 8 giờ đến 11 giờ 45. Vào giờ giải lao, tôi thường chơi cầu lông với bạn bè hoặc trò chuyện. Vào buổi chiều, tôi đọc sách trong thư viện hoặc tập thể dục ở nhà. Sau bữa tối, tôi thường xem TV hoặc nghe nhạc. Tôi thường đi ngủ lúc 10 giờ. Tôi luôn dậy sớm vào buổi sáng nên không bao giờ đi học muộn.

26.

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với thì hiện tại đơn ở dạng khẳng định của động từ thường chủ ngữ số ít: S + Vs/es.

Khi viết câu, các tính từ luôn đứng trước các danh từ.

Đáp án: Helen has brown eyes, a small nose and full lips.

Tạm dịch: Helen có đôi mắt nâu, chiếc mũi nhỏ và đôi môi đầy đặn.

27.

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với thì hiện tại đơn ở dạng khẳng định của động từ thường chủ ngữ số nhiều: S + V_o.

Khi viết câu, các tính từ luôn đứng trước các danh từ.

Đáp án: I have funny friends and kind teachers.

Tạm dịch: Tôi có những người bạn vui tính và những giáo viên tốt bụng.

28.

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

Cấu trúc viết câu với thì hiện tại đơn ở dạng khẳng định của động từ thường chủ ngữ số ít: S + V_{s/es}.

Đáp án: He brushes his teeth three times a day.

Tạm dịch: Anh ấy đánh răng ba lần một ngày.

29.

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

Dấu hiệu thì hiện tại tiếp diễn “at present” (*hiện tại*) => Cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn ở dạng khẳng định chủ ngữ số nhiều “we” (*chúng tôi*): S + are + V-ing.

Đáp án: We are playing chess at present.

Tạm dịch: Hiện tại chúng tôi đang chơi cờ.

30.

Kiến thức: Sắp xếp trật tự câu

Giải thích:

Cấu trúc viết câu hỏi với “How many” (*bao nhiêu*) ở thì hiện tại đơn: How many + danh từ đếm được số nhiều + are there?

Trước “classroom” (*lớp học*) cần dùng giới từ “in”

Đáp án: How many chairs are there in your classroom?

Tạm dịch: Có bao nhiêu cái ghế trong lớp học của bạn?